

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2018/HSST
Ngày 11-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ V Hoan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Như Vũ;

Bà Cao Thị Cúc;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Cao Đăng Xứng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11-5-2018, tại Nhà V hóa Khu 1, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 125/2018/TLST-HS, ngày 28 -3-2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2018/QĐXXST-HS ngày 26-4-2018, đối với bị cáo:

P V N, sinh năm 1990; Trú tại: Số XX, Khu V, phường T C thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm V T, sinh năm 1959 và bà Tạ T T, sinh năm 1963;

Có vợ là: Lê Thị H C, sinh năm 1990; Con: có 03con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2006 bị Chủ tịch UBND thành phố Bắc Ninh quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng.

Ngày 19/3/2015 bị TAND thành phố Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt T sản. Ra trại ngày 13/6/2015.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2018 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số NN Khu L, phường T C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt tại phiên tòa);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, P V N gặp Nguyễn V T, sinh năm 1992 ở Khu Cô Mễ, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là bạn của N, T có nhờ N chở T đi sửa điện thoại, N đồng ý rồi chở T đến cửa hàng điện thoại số 72 Khu 7, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thì N đứng ngoài ở ngoài để đợi T vào trong gọi chủ quán sửa điện thoại cho T, nhưng không có ai trả lời, nên T quay ra bảo với N là không có ai ở nhà và bảo N chở về; N bảo T **đứng đợi**, sau đó N đi vào trong nhà gọi chủ quán mấy câu nhưng không có ai trả lời. N quan sát thấy chiếc túi xách để ở trên tủ cạnh giường ngủ hé mở, N quan sát thấy bên trong có 01 chiếc điện thoại di động màu vàng và 01 chiếc ví, N nảy sinh ý định trộm cắp số T sản này, N đưa tay vào trong túi xách lấy số T sản đó cất vào trong người rồi quay ra chỗ để xe bảo N lên xe để N chở T về nhà T. Sau khi chở T về nhà T thì N đi đến khu phía sau Công ty kính Đáp cầu bỏ ví ra kiểm tra thấy bên trong có 385.000đồng, 01 thẻ BHYT, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị V; 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Phương Hà. N lấy số tiền và chiếc điện thoại, còn các giấy tờ và ví N vứt ở rìa đường trên đường đi về nhà. Ngày hôm sau N mang chiếc điện thoại đi sửa nhưng không sửa được vì bị khóa; Vì sợ bị định vị, nên N mang chiếc điện thoại ra cánh đồng thuộc khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh cất ở đó. Đến ngày 11/01/2018, N được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh triệu tập đến trụ sở Công an thành phố để làm việc. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh, N đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và đã chỉ chỗ cất giấu chiếc điện thoại và nơi vứt các giấy tờ, T sản, nên Cơ quan điều tra đã thu hồi được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng, 01 thẻ BHYT, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị V và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị P H, còn chiếc ví không thu hồi được. Ngày 12/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh đã yêu cầu định giá chiếc điện thoại nêu trên.

Tại kết luận định giá số 518/KL-HĐ ngày 12/01/2018 của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Bắc Ninh kết luận: **01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu Gold có giá 7.000.000đồng.**

Còn chiếc ví và những giấy tờ, T sản khác giá trị sử dụng không đáng kể, nên người bị hại không yêu cầu định giá nên không định giá.

Với các tình tiết nêu trên tại Bản Cáo trạng số 40/CTr - VKS ngày 28/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh truy tố P V N ra trước Tòa án nhân dân thành phố Bắc ninh để xét xử về tội “Trộm cắp T sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh thực hành quyền công tố giữ N bản cáo trạng số 40/CTr - VKS ngày 28/3/2018 và sau khi cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cũng như nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo P V N phạm tội “Trộm cắp T sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt P V N từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết do người bị hại không có yêu cầu.

Bị cáo không tham gia tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với thời gian, không gian, địa điểm mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của, lời khai của người bị hại, vật chứng thu hồi được và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 08 giờ ngày 01/01/2018, P V N lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút lấy trộm 01 chiếc ví, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng trị giá 7.000.000đ, 01 thẻ BHYT, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị V và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị P H và số tiền 385.000đ của bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; Địa chỉ: số nhà 72, khu 7 phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Tổng giá trị T sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bà V là 7.385.000đ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp T sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 73 Bộ luật hình sự. Bản Cáo trạng số 40/CTr - VKS ngày 28/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh đã truy tố bị cáo P V N với tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu T sản của người khác mà pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ tác hại và sự nguy hiểm về hành vi của bản thân, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà mình đã thực hiện; Hành vi của bị cáo cần phải xử lý bằng luật hình sự, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo là người có nhân thân xấu:

- Năm 2006 bị Chủ tịch UBND thành phố Bắc Ninh quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng.

- Ngày 19/3/2015 bị TAND thành phố Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, nay lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện bị cáo là người khó cải tạo giáo dục, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách li bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Sau khi phạm tội, tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: T sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị V gồm có: 01 chiếc ví, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng trị giá 7.000.000đ, 01 thẻ BHYT, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị V và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị P H và số tiền 385.000đ; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh đã thu hồi trả lại cho bà V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng trị giá 7.000.000đ, 01 thẻ BHYT, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Ph H, tại Cơ quan điều tra bà V không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà số tiền 385.000đ và chiếc ví, nên vấn đề trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo với bà V không đặt ra xem xét giải quyết và cần ghi nhận sự tự nguyện này của bà V

Trong vụ án này, có Nguyễn V T, sinh năm 1992 ở Khu Cô Mễ, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đi cùng bị cáo N đến cửa hàng sửa chữa điện thoại, nhưng T không biết N trộm cắp T sản của bà V nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh không đề cập xử lý đối với T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về thu nộp án phí, lệ phí.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ cần được chấp nhận

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo: P V N phạm tội “Trộm cắp T sản”.

Xử phạt:

P V N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/01/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo P V N 45 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/5/2018 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo P V N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Như Vũ

Cao Thị Cúc

Vũ V Hoan

